ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG
Số: TVHN-260/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 17 tháng 9 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng; diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống chậm, khu vực nội đồng mực nước lên chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 16/9 trên các sông, kênh cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 25-50cm và cao hơn TBNN từ 05-15cm. Riêng tại Khánh An, mực nước cao nhất và thấp nhất cao hơn TBNN từ 40-47cm. Mực nước cao nhất tại các trạm ở mức xấp xỉ đến trên BĐ1 từ 10-25cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống nhanh. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 16/9 cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 45-55cm, cao hơn TBNN từ 20-65cm. Mực nước cao nhất sông Hậu tại Long Xuyên trên BĐ3 04cm, trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới dưới BĐ3 17cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 16/9 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm. Mực nước cao nhất trên kênh Núi Chóc Năng Gù tại Vĩnh Hanh trên BĐ2 04cm; một số trạm trên kênh Vĩnh Tế, Tri Tôn, Ba Thê, Rạch Giá-Long Xuyên, Cái Sắn trên BĐ1 từ 05-27cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 16/9 ở mức 63cm (dưới BĐ1 17cm), cao hơn đỉnh triều ngày hôm trước 08cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế xuống chậm theo triều trong 5 ngày tới. Mực nước cao nhất tại trạm Khánh An vẫn duy trì ở mức trên BĐ1 trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế xuống chậm theo triều trong những ngày tới, tuy nhiên mực nước vẫn duy trì ở mức cao.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm với xu thế lên chậm trong những ngày tới do ảnh hưởng lũ thượng nguồn về và mưa nội đồng.

- Vùng cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày tại trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn có xu thế lên chậm theo triều trong 1-2 ngày đầu, sau xuống chậm.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX. Ngập lụt vùng hạ lưu sông tại các xã Chợ Mới, Nhơn Mỹ và Mỹ Hòa Hưng, ngập lụt trong khu vực đô thị tại các phường Long Xuyên, Bình Đức và Mỹ Thới.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động sản xuất địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 18/9/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 16/9		So với 15/9		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ1	BĐ2	BĐ3									17/9	18/9	19/9	20/9	21/9
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	349	-6	▼	49	▲	8	▲	344	339	334	329	325
					Hmin	323	-3	▼	48	▲	1	◀▶	320	315	310	305	300
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	283	-11	▼	51	▲	49	▲	273	263	253	248	260
					Hmin	223	-5	▼	49	▲	33	▲	215	208	202	197	193
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	445	0	◀▶	26	▲	41	▲	443	441	439	437	435
					Hmin	443	-1	◀▶	27	▲	47	▲	442	440	438	436	434
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	312	-7	▼	46	▲	14	▲	307	302	296	290	285
					Hmin	278	-2	▼	40	▲	3	▲	275	270	265	260	255
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	254	-16	▼	55	▲	64	▲	244	234	224	220	235
					Hmin	170	-8	▼	46	▲	47	▲	162	155	149	144	140
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	284	-12	▼	49	▲	35	▲	274	264	254	249	260
					Hmin	232	-4	▼	46	▲	22	▲	224	217	211	206	202
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	313	5	▲	37	▲	50	▲	315	317	319	321	323
					Hmin	308	5	▲	33	▲	49	▲	313	315	317	319	321
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	138	2	▲	14	▲	4	▲	140	142	145	147	150
					Hmin	136	3	▲	16	▲	6	▲	137	138	140	142	144
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	127	2	▲	19	▲	27	▲	129	131	134	136	139
					Hmin	124	1	◀▶	21	▲	35	▲	125	126	128	130	132
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	110	1	◀▶	10	▲	16	▲	112	114	117	119	122
					Hmin	108	0	◀▶	10	▲	22	▲	109	110	112	114	116
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	116	1	◀▶	7	▲	14	▲	118	120	123	125	128
					Hmin	114	0	◀▶	7	▲	20	▲	115	116	118	120	122
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	169	2	▲	9	▲	-9	▼	171	173	175	177	180
					Hmin	168	4	▲	12	▲	-6	▼	169	171	173	175	177
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	162	5	▲	16	▲	28	▲	164	166	168	170	173
					Hmin	157	4	▲	14	▲	26	▲	158	160	162	164	166
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	108	3	▲	13	▲	28	▲	110	112	114	116	119
					Hmin	105	4	▲	11	▲	29	▲	106	108	110	112	114
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	129	2	▲	12	▲	-6	▼	131	133	135	137	140
					Hmin	124	1	◀▶	11	▲	-7	▼	125	127	129	131	133
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	167	0	◀▶	13	▲	29	▲	169	171	173	175	178
					Hmin	163	0	◀▶	17	▲	31	▲	164	166	168	170	172
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	234	0	◀▶	27	▲	35	▲	234	235	236	238	240
					Hmin	225	-2	▼	29	▲	37	▲	223	221	219	217	220
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	167	3	▲	18	▲	19	▲	169	171	173	175	178
					Hmin	155	-1	◀▶	24	▲	17	▲	156	158	160	162	164

RG-LX	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**121**	2 ▲		2 ▲		16 ▲		123	125	127	129	132
					Hmin	**119**	2 ▲		10 ▲		25 ▲		120	122	124	126	128
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**95**	2 ▲		0 ◀▶		9 ▲		97	99	101	103	106
					Hmin	**93**	3 ▲		4 ▲		13 ▲		94	96	98	100	102
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**57**	4 ▲		-7 ▼		1 ◀▶		59	60	58	56	55
					Hmin	**15**	-2 ▼		15 ▲		16 ▲		20	18	16	17	18
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**63**	8 ▲		-16 ▼		8 ▲		65	68	65	62	58
					Hmin	**-8**	-3 ▼		11 ▲		8 ▲		-5	-7	-9	-11	-13

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

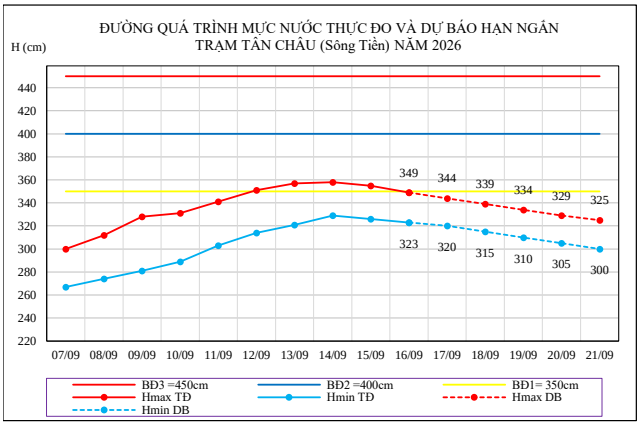

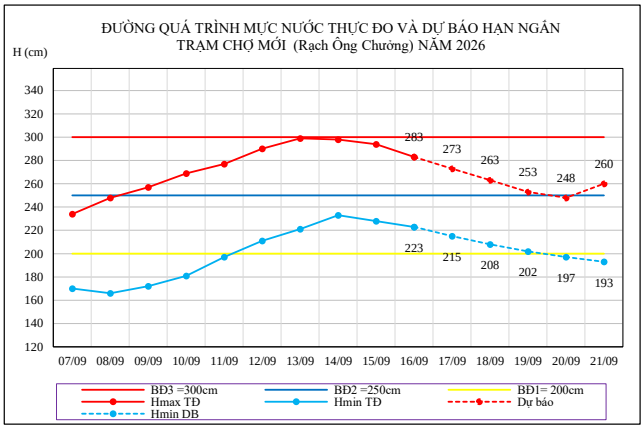

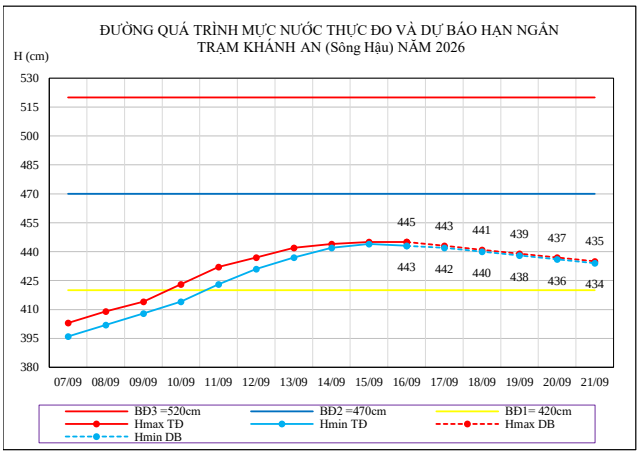

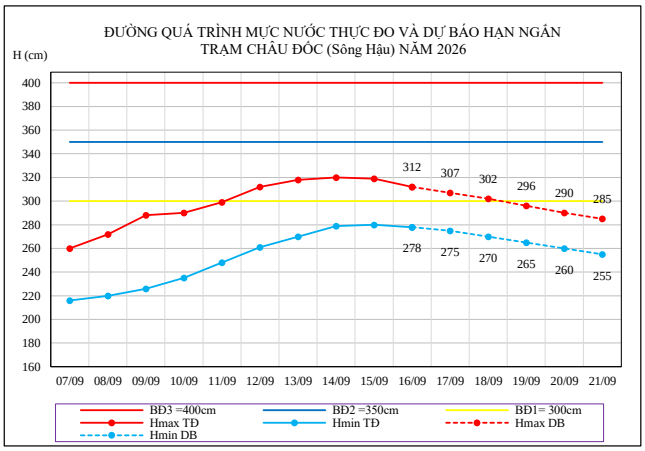

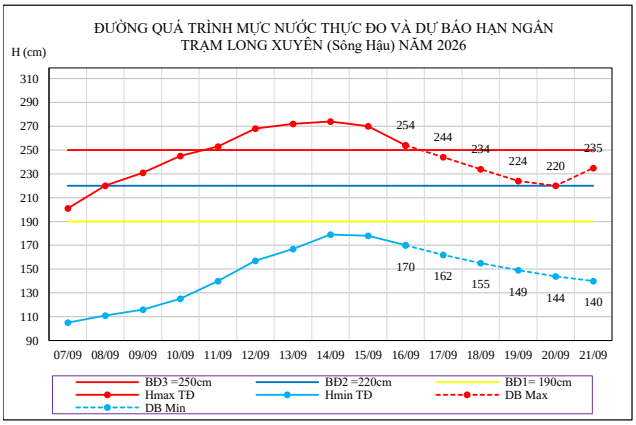

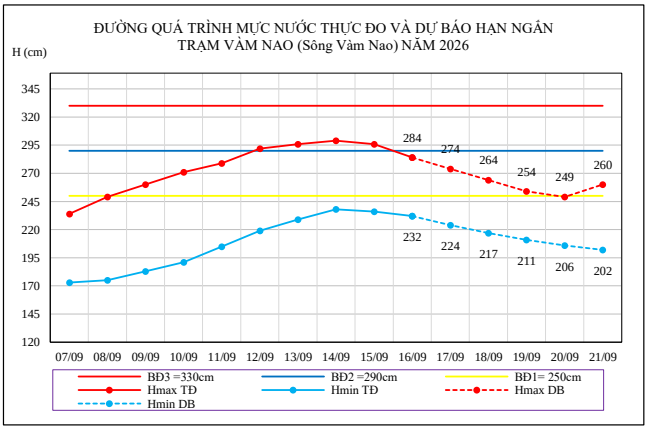

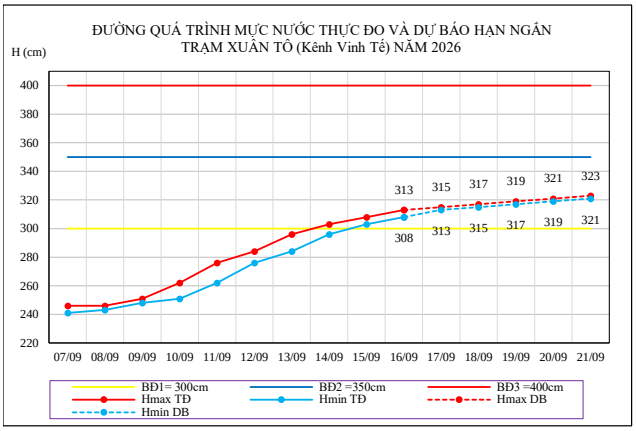
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 300cm
BĐ2 =350cm
BĐ3 =400cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

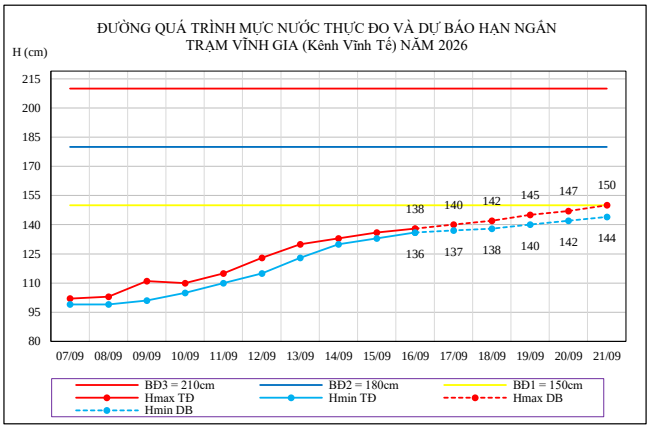
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 = 210cm
BĐ2 = 180cm
BĐ1 = 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

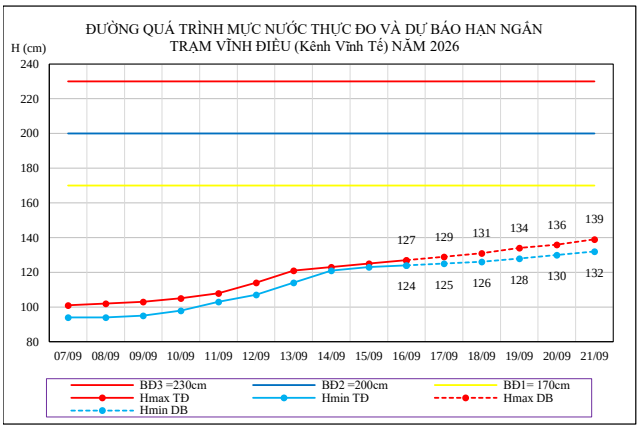
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =230cm
BĐ2 =200cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

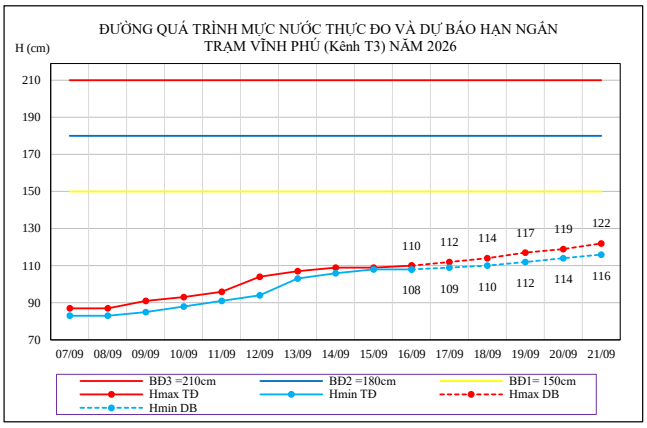
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =210cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

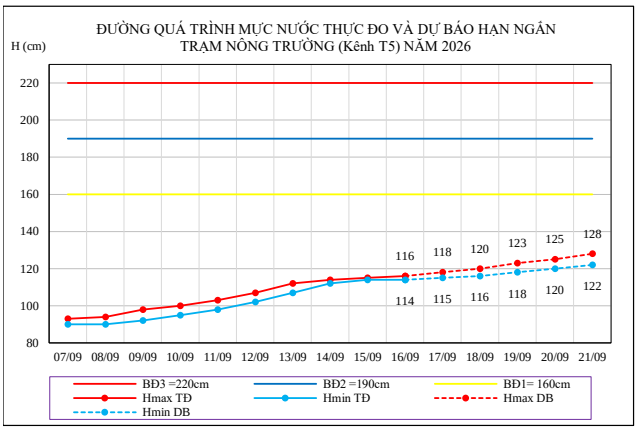
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =190cm
BĐ1= 160cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

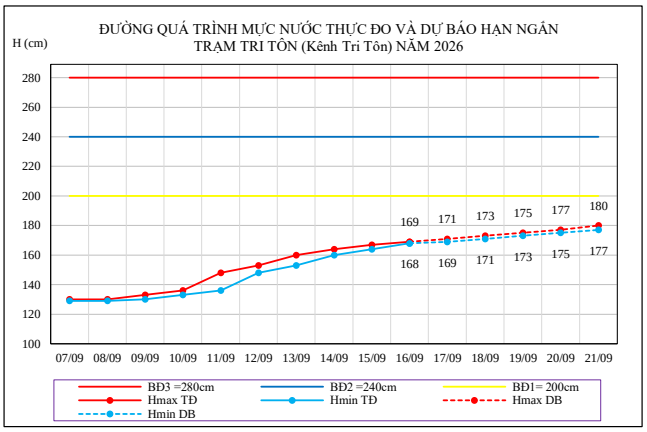
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =280cm
BĐ2 =240cm
BĐ1= 200cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

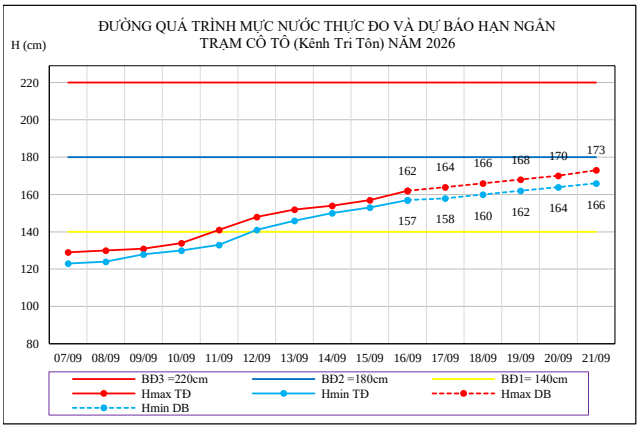
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

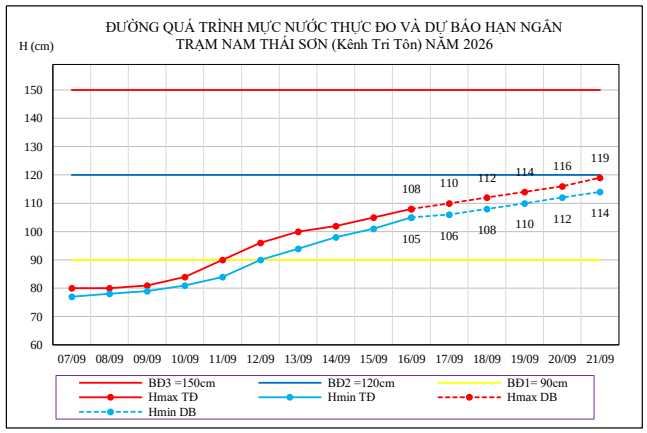
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

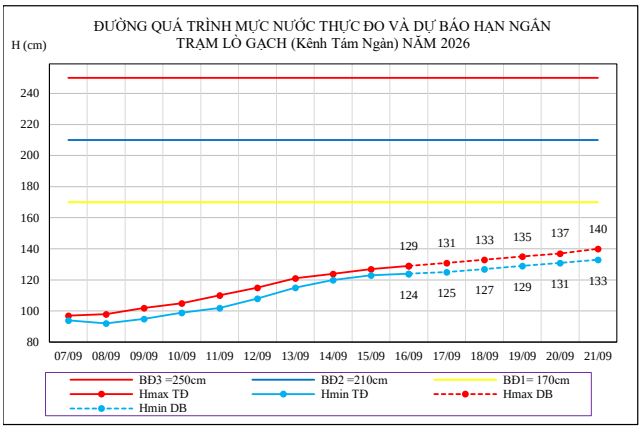
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =250cm
BĐ2 =210cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

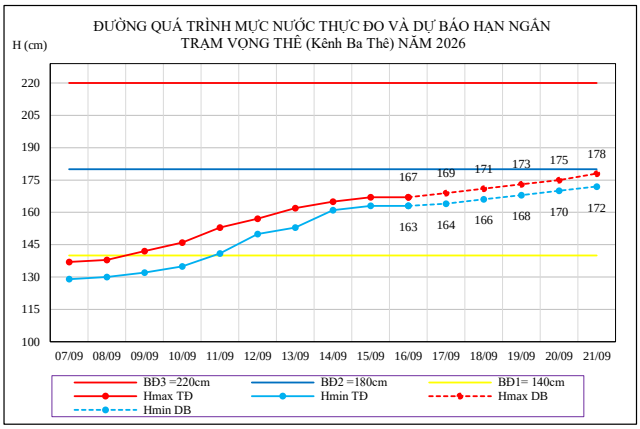
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

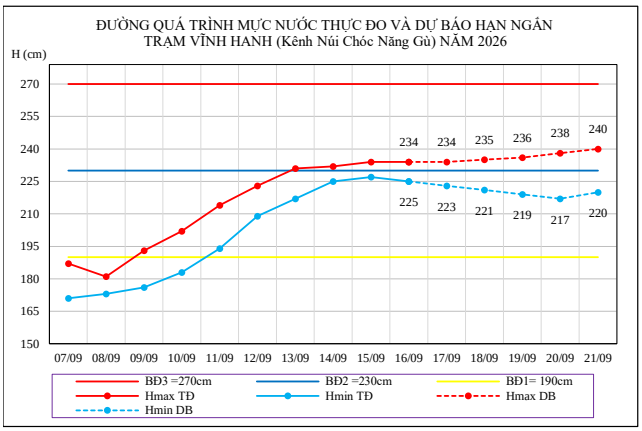
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =270cm
BĐ2 =230cm
BĐ1= 190cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

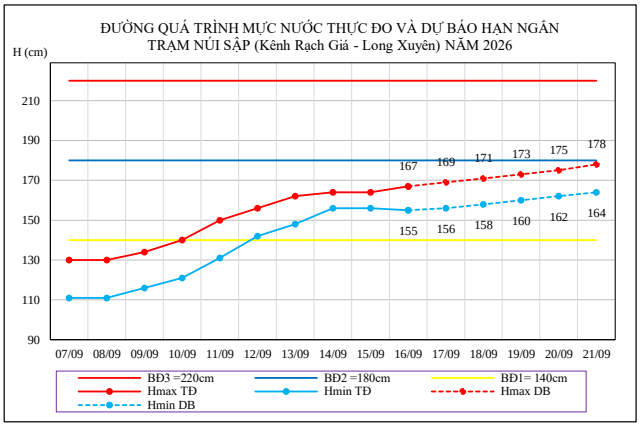
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

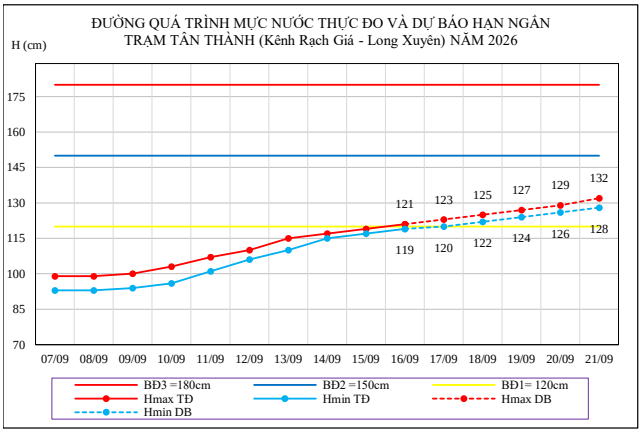
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =180cm
BĐ2 =150cm
BĐ1= 120cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

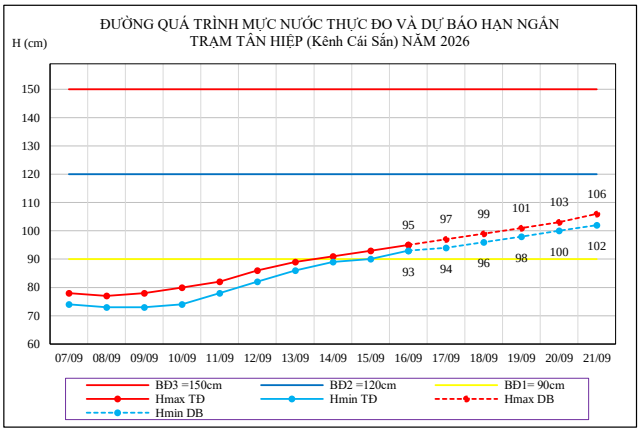
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

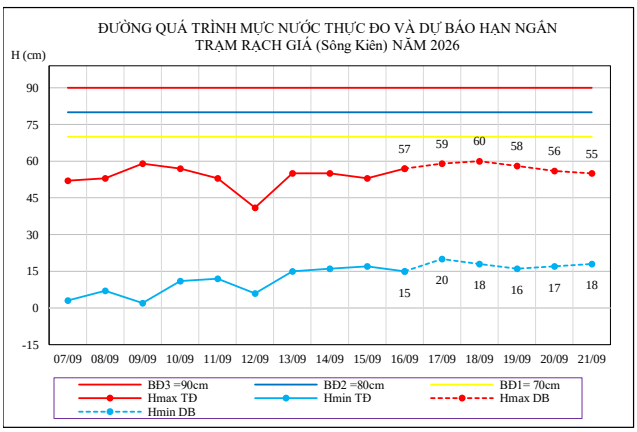
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =90cm
BĐ2 =80cm
BĐ1= 70cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

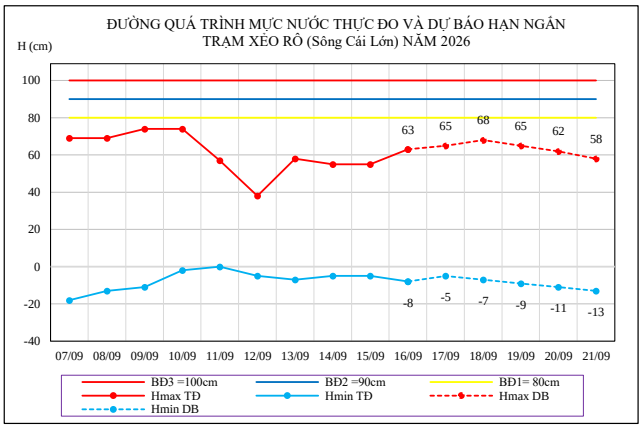
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =100cm
BĐ2 =90cm
BĐ1= 80cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB